

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số:06/2024/DS-PT
Ngày 4 tháng 01 năm 2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Tăng Trần Quỳnh Phương

Các Thẩm phán:

Ông Lê Thanh Hùng

Bà Huỳnh Thị Kiều Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Kiều Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Thân - Kiểm sát viên.

Ngày 4 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 194/2023/TLPT-DS ngày 10 tháng 11 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số:74/2023/DS-ST ngày 18 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số:198/2023/QĐ-PT ngày 20 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:** Chị Trang Ngọc H, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Ấp I, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của chị H: Ông Phan Văn S, sinh năm 1973. Địa chỉ: Ấp L, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

***Bị đơn:** Bà Võ Thị B, sinh ngày 01/01/1968.

Địa chỉ: Ấp I, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Anh Huỳnh Công C, sinh ngày 23/01/1986.

Địa chỉ: Ấp I, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của anh C: Ông Phan Văn S, sinh năm 1973. Địa chỉ: Ấp L, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

- Ông Châu Tuấn K, sinh năm 1966. Địa chỉ: Ấp I, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

(Ông S, bà B có mặt; ông K vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn chị Trang Ngọc H trình bày:

Ngày 21/02/2023 (âm lịch), bà Võ Thị B có vay của chị Trang Ngọc H số tiền 258.000.000 đồng, việc cho vay có làm “*Giấy mượn tiền*” đề ngày 21/02/2023; do bà B không biết chữ nên anh C (chồng chị H) viết dùm, bà B có lặn tay và thỏa thuận đến ngày 10/3/2023 bà B sẽ trả đủ số tiền trên. Chị H đã nhiều lần yêu cầu bà B trả nợ nhưng bà B không trả tiền theo thỏa thuận. Do đó, chị H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà B trả cho chị số tiền đã vay là 258.000.000 đồng.

Theo bị đơn bà Võ Thị B trình bày:

Khoảng tháng 5/2020 (âm lịch), bà có hỏi vay của chị Trang Ngọc H số tiền là 2.000.000 đồng với lãi suất là 10.000 đồng/ngày/1.000.000 đồng. Đến tháng 6/2020 (âm lịch) bà có hỏi vay của chị H thêm số tiền 1.000.000 đồng và đến cuối tháng 6/2020 (âm lịch) bà có tiếp tục hỏi vay thêm 2.000.000 đồng cũng với lãi suất là 10.000 đồng /ngày/1.000.000 đồng. Như vậy, tổng cộng bà có hỏi vay của chị H số tiền là 5.000.000 đồng. Ngoài ra, bà không có hỏi vay của chị H thêm một khoản tiền vay nào khác. Việc vay tiền giữa các bên không làm biên nhận, khi vay tiền bà có thể chấp 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (01 giấy do bà đứng tên, 01 giấy do bà Võ Thị H1 là em ruột của bà đứng tên) cho chị H để làm tin. Đến ngày 21/02/2023, chị H kêu bà đến nhà và nói nếu bà đóng cho chị H mỗi tháng 5.000.000 đồng/tháng thì bà còn nợ chị H hơn 190.000.000 đồng, còn nếu bà đóng cho chị H mỗi tháng 3.000.000 đồng/tháng thì bà nợ chị H số tiền là 258.000.000 đồng. Sau đó, chị H cùng với chồng là anh C ép bà phải lặn tay (điểm chỉ) vào tờ giấy gì đó (do bà không biết chữ) nên bà không biết đó là tờ giấy gì. Bà thừa nhận dấu lặn tay (điểm chỉ) trong tờ giấy biên nhận nợ đó là của bà nhưng là do bà bị ép buộc nên bà có trình báo sự việc trên với chính quyền địa phương.

Nay đối với yêu cầu khởi kiện của chị H thì bà chỉ đồng ý trả 5.000.000 đồng, không đồng ý trả số tiền 258.000.000 đồng như chị H yêu cầu.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Huỳnh Công C là ông Phan Văn S thống nhất với yêu cầu của chị H và không trình bày ý kiến bổ sung.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Châu Tuấn K thống nhất với trình bày của bà B và không trình bày ý kiến bổ sung.

Từ nội dung nêu trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 74/2023/DS-ST ngày 18 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu đã quyết định:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trang Ngọc H đối với bà Võ Thị B về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc bà Võ Thị B có nghĩa vụ trả cho chị Trang Ngọc H tổng số tiền là 258.000.000 đồng.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí; lãi suất trong giai đoạn thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 03 tháng 10 năm 2023, bị đơn bà Võ Thị B kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số: 74/2023/DS-ST ngày 18 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu, không đồng ý trả cho chị H số tiền 258.000.000 đồng, chỉ đồng ý trả cho chị H số tiền 5.000.0000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà Võ Thị B giữ nguyên nội dung kháng cáo, chỉ đồng ý trả cho chị H số tiền 5.000.0000 đồng.

Đại diện của chị H, anh C đề nghị giữ nguyên án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bà Võ Thị B, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 74/2023/DS-ST ngày 18 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến tranh luận của các đương sự và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Võ Thị B đã được thực hiện các thủ tục theo luật định nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 273, Điều 276 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Ông K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần hai nhưng vẫn vắng mặt nên căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông K.

[2] Xét kháng cáo của bà B không đồng ý trả cho chị H số tiền 258.000.000 đồng, chỉ đồng ý trả cho chị H số tiền 5.000.0000 đồng.

[2.1] Để chứng minh yêu cầu khởi kiện, chị H đã cung cấp 01 tờ “Giấy mượn tiền” ngày 21/02/2023. Nội dung giấy mượn tiền trên thể hiện bà B có mượn chị H 258.000.000 đồng, có dấu lặn tay phía dưới ghi tên Võ Thị B (người mượn). Bà B thừa nhận bà có lặn tay trong giấy mượn tiền trên nhưng do vợ chồng chị H ép buộc, bà đã trình báo sự việc trên với chính quyền địa phương và ông Dư Hồng D, ông Dương Mộng H2 cũng chứng kiến. Đồng thời, bà B cho rằng bà chỉ mượn tiền chị H

03 lần với tổng số tiền 5.000.000 đồng và đã đóng lãi cho chị H số tiền 64.000.000 đồng.

[2.2] Xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử thấy rằng: Thực tế bà B có đến Công an xã P B xã để trình báo sự việc như lời trình bày của bà vào ngày 5/7/2023 nhưng tại Thông báo số 11/TB-CAPTTB ngày 12/7/2023 của Công an xã P đã trả lời cho bà B biết nội dung đơn của bà đối với việc chị H ép bà lặn tay vào giấy mượn tiền là không có cơ sở. Đồng thời, bà B cho rằng ông Dur Hồng D, ông Dương Mộng H2 có chứng kiến việc bà bị chị H ép lặn tay cũng như biết việc bà đóng lãi cho chị H. Tuy nhiên, qua làm việc với ông H2 (bút lục số 93 - 94) và ông D (bút lục số 59 – 60) đều xác định không trực tiếp chứng kiến sự việc mà chỉ nghe bà B kể lại. Do đó, việc bà B cho rằng bị vợ chồng chị H ép buộc lặn tay vào tờ giấy mượn tiền là không có căn cứ chấp nhận.

Theo khoản 2 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự quy định “*Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó.*” và khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự quy định “*Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc.*”.

Như vậy, ngoài lời trình bày thì bà B không đưa ra được chứng cứ gì chứng minh việc bà B lặn tay trong “*Giấy mượn tiền*” ngày 21/02/2023 là do vợ chồng chị H ép buộc. Bà B thừa nhận dấu lặn tay tại “*Giấy mượn tiền*” ngày 21/02/2023 là của bà. Do đó, cấp sơ thẩm buộc bà Võ Thị B có nghĩa vụ trả cho chị Trang Ngọc H số tiền là 258.000.000 đồng là có cơ sở.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H buộc bà B có nghĩa vụ trả cho chị H số tiền là 258.000.000 đồng, nên bà Võ Thị B phải nộp 12.900.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Chị Trang Ngọc H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Chị H đã nộp tạm ứng án phí 6.450.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0012751 ngày 14/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long, được hoàn lại toàn bộ số tiền đã nộp.

[4] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Võ Thị B; Chấp nhận ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên; Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 74/2023/DS-ST ngày 18 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

[5] Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Võ Thị B phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Võ Thị B. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 74/2023/DS-ST ngày 18 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

Căn cứ các Điều 26, 38, 39, 91, 92, 143, 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trang Ngọc H đối với bà Võ Thị B về việc yêu cầu bà Võ Thị B trả số tiền nợ gốc 258.000.000 đồng.

2. Buộc bà Võ Thị B có nghĩa vụ trả cho chị Trang Ngọc H số tiền nợ gốc 258.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí:

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Chị Trang Ngọc H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Chị H đã nộp tạm ứng án phí 6.450.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0012751 ngày 14/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long, được hoàn lại toàn bộ số tiền đã nộp.

Bà Võ Thị B phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 12.900.000 đồng.

3.2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Võ Thị B phải nộp 300.000 đồng. Bà B đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0006281 ngày 12/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long, được chuyển thu án phí.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND huyện Phước Long;
- CCTHADS huyện Phước Long;
- Đường sự;
- Lưu, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tăng Trần Quỳnh Phương